

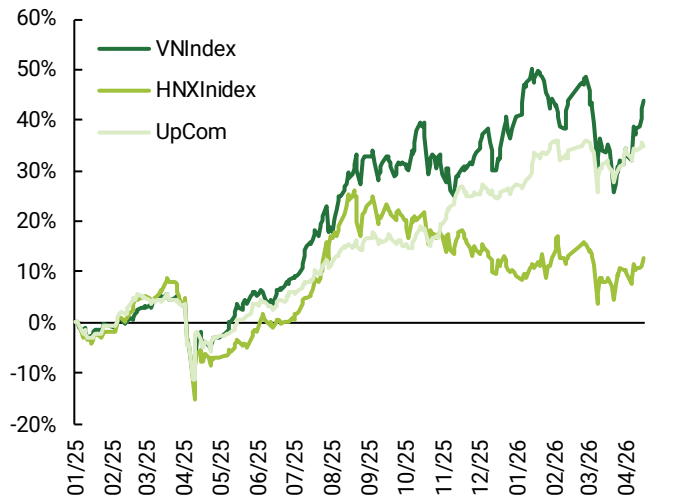
**VN-Index** **1819.83 (1.07%)**  
 1073 Tr. cổ phiếu 28069.1 Tỷ VND (-1.21%)

**HNX-Index** **256.49 (1.49%)**  
 68 Tr. cổ phiếu 1265.9 Tỷ VND (-37.77%)

**UPCOM-Index** **128.22 (-0.49%)**  
 21 Tr. cổ phiếu 343.0 Tỷ VND (-54.46%)

**VN30F1M** **1980.50 (0.99%)**  
 160,542 HD OI: 0,000 HD

### % Hiệu suất của các chỉ số từ năm 2025



### NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1819.8, tăng +19.2 điểm (+1.07%). Thanh khoản tăng với độ rộng thị trường nghiêng về bên bán. Sắc xanh cũng ghi nhận ở VN30, HNXIndex.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Nhóm Vingroup là động lực chính giữ lại sắc xanh cho thị trường, trong khi áp lực điều chỉnh chi phối ở mặt bằng chung cổ phiếu.
- Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Bất động sản: VHM (+4.5%), KBC (+5.0%), VIC (+7.0%) | Tiện ích: NT2 (+0.4%), POW (+2.3%) | Thực phẩm và đồ uống: VHC (+1.1%), ANV (+1.2%) | Du lịch và Giải trí: VPL (+2.5%). Diễn biến yếu trong phiên: Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: GEE (-3.8%), VTP (-2.1%), VSC (-2.1%) | Ngân hàng: EIB (-1.5%), SSB (-1.5%) | Dịch vụ tài chính: VIX (-2.2%), CTS (-1.6%) | Xây dựng và Vật liệu: DLG (-3.4%), CTI (-2.2%), VCG (-1.8%).  
 Tác động chỉ số: Chiều tăng | VIC, VHM, VPL, VPB, MWG - Chiều giảm | VCK, VCB, CTG, GVR, GEE  
 Khối ngoại: Bán ròng hơn 1100 tỷ đồng, tập trung nhiều ở FPT, VHM, HCM, trong khi mua ròng VIC, SSI, HPG.

### GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** tiếp tục đi lên trong phân hóa. Nhóm Vingroup giữ vai trò động lực chính, giúp duy trì sắc xanh, trong khi áp lực điều chỉnh chi phối ở mặt bằng chung cổ phiếu. Về kỹ thuật, chỉ số có thể giữ đà tiến lên vùng kháng cự cao hơn (quanh ngưỡng 1850) nhờ lực kéo từ các cổ phiếu trụ. Tuy nhiên, nếu độ rộng không được cải thiện, tính bền vững của xu hướng sẽ suy giảm. Khi đó, rủi ro đảo chiều nhanh có thể gia tăng nếu các mã trụ quay đầu điều chỉnh. Hỗ trợ gần hiện được nâng lên quanh vùng 1770 – 1800 điểm.
- **Đối với HNX-Index**, chỉ số đóng cửa tạo mẫu hình nền tăng Marubozu, thoát khỏi nền tích lũy 249 – 254. Mục tiêu cao hơn cho nhịp hồi là ngưỡng 264, trong khi hỗ trợ gần hiện là ngưỡng 248.
- **Chiến lược:** Vị thế nghiêng về Nắm giữ, tránh mua thêm bình quân khi giá giảm. Mặt bằng cổ phiếu đang quay về kiểm định nền giá ngắn hạn, chỉ nên xem xét gia tăng tỷ trọng khi xuất hiện tín hiệu phục hồi kèm thanh khoản xác nhận. Ngược lại, trong trường hợp xuất hiện dấu hiệu suy yếu mang tính phá vỡ, cần chủ động hạ tỷ trọng để kiểm soát rủi ro. Trạng thái giằng co với biên độ lớn nhiều khả năng sẽ tiếp tục chi phối thị trường thời gian tới. Các nhóm ngành đáng chú ý gồm: Ngân hàng, Tiêu dùng, Chứng khoán, Đầu tư công và Bất động sản.

### CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Theo dõi GEX (Xem tiếp tại trang 7)

### Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi			Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
<b>Theo chỉ số</b>												
VN-Index	1,819.8 ▲	1.1%	4.8%	7.5%	28,069.1 ▼	-1.2%	-3.0%	21.5%	1,072.9 ▲	6.0%	0.8%	22.6%
HNX-Index	256.5 ▲	1.5%	2.2%	4.4%	1,265.9 ▼	-37.8%	-17.1%	-28.3%	67.5 ▼	-40.3%	-18.8%	-28.3%
UPCOM-Index	128.2 ▼	-0.5%	0.6%	2.5%	343.0 ▼	-54.5%	-25.5%	-62.2%	20.8 ▼	-41.7%	-21.1%	-52.4%
VN30	1,979.2 ▬	0.9%	3.4%	6.8%	16,600.8 ▲	3.4%	8.6%	42.3%	483.5 ▲	30.5%	20.9%	39.4%
VNMID	2,238.4 ▼	-0.4%	0.2%	4.0%	9,559.4 ▼	-6.8%	-15.5%	8.0%	427.0 ▼	-9.3%	-20.4%	8.3%
VNSML	1,416.3 ▼	-0.4%	-0.8%	0.1%	1,008.9 ▼	-25.6%	-22.8%	-18.1%	64.8 ▼	-27.4%	-36.7%	-27.0%
<b>Theo ngành (VNIndex)</b>												
Ngân hàng	630.8 ▼	-0.5%	-0.42%	3.5%	7,415.4 ▲	23.21%	5.2%	9.9%	372.9 ▲	39.8%	21.3%	31.2%
Bất động sản	909.3 ▲	5.0%	11.8%	23.8%	5,616.2 ▼	-32.2%	18.5%	30.8%	156.2 ▼	-21.1%	-10.3%	-2.8%
Dịch vụ tài chính	318.6 ▼	-1.5%	-1.2%	6.3%	4,099.2 ▼	-5.8%	20.6%	11.2%	174.8 ▼	-10.5%	16.7%	6.6%
Công nghiệp	272.9 ▼	-1.5%	-1.3%	11.3%	1,008.5 ▼	-10.3%	-15.1%	-28.3%	28.1 ▼	-10.0%	-13.3%	-26.9%
Tài nguyên cơ bản	548.2 ▼	-0.3%	0.7%	5.1%	1,075.2 ▼	-2.5%	-23.1%	-13.0%	47.4 ▬	0.7%	-17.8%	-9.4%
Xây dựng - Vật Liệu	181.2 ▼	-0.4%	0.4%	2.2%	1,630.5 ▼	-8.1%	-11.7%	1.9%	76.3 ▼	-10.2%	-15.6%	0.6%
Thực phẩm	506.0 ▬	0.0%	-8.6%	-32.1%	1,221.6 ▼	-24.8%	-11.3%	-16.2%	27.7 ▼	-20.2%	-14.7%	-16.9%
Bán Lẻ	1,524.2 ▲	1.2%	-2.1%	-0.5%	676.2 ▲	50.1%	16.6%	-19.4%	9.1 ▲	46.1%	14.2%	-22.8%
Công nghệ	401.3 ▼	-1.3%	-4.7%	-2.1%	957.2 ▲	4.4%	45.9%	23.9%	13.5 ▲	4.7%	44.3%	18.6%
Hóa chất	179.6 ▼	-1.3%	-0.8%	-6.8%	561.1 ▼	-17.7%	-22.8%	-46.9%	15.0 ▼	-22.8%	-23.7%	-45.8%
Tiện ích	753.9 ▼	-0.4%	-0.7%	-7.4%	543.9 ▲	33.2%	-7.4%	-18.8%	29.8 ▲	74.8%	38.6%	8.1%
Dầu khí	106.0 ▼	-1.3%	0.7%	-22.7%	649.4 ▲	25.0%	-2.1%	-30.5%	21.0 ▲	20.4%	-4.9%	-28.7%
Dược phẩm	426.8 ▼	-0.2%	-2.1%	-2.8%	47.0 ▼	-12.7%	-36.0%	-17.0%	1.6 ▼	-19.9%	-32.8%	-18.4%
Bảo hiểm	113.8 ▼	-0.8%	-9.6%	2.1%	137.7 ▲	158.2%	104.1%	76.7%	2.5 ▲	121.2%	82.2%	44.8%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

### Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,819.8 ▲	1.07%	2.0%	16.6x	2.2x
SET-Index	Thái Lan	1,490 ▼	-1.14%	18.3%	17.2x	1.4x
JCI-Index	Indonesia	7,621 ▼	-0.03%	-11.9%	18.1x	2.0x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,472 ▬	0.50%	1.4%	16.5x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	6,064 ▬	0.01%	0.2%	9.4x	1.2x
Shanghai Composite	Trung Quốc	4,056 ▬	0.70%	2.2%	16.8x	1.5x
Hang Seng	Hồng Kông	26,394 ▲	1.72%	3.0%	13.4x	1.4x
Nikkei 225	Nhật Bản	59,518 ▲	2.38%	18.2%	23.2x	2.8x
S&P 500	Mỹ	7,023 ▬	0.80%	2.6%	27.5x	5.5x
Dow Jones	Mỹ	48,464 ▼	-0.15%	0.8%	24.1x	5.6x
FTSE 100	Anh	10,614 ▬	0.52%	6.9%	16.9x	2.4x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	5,960 ▬	0.33%	2.9%	17.4x	2.5x
DXY		98.2 ▬	0.07%	-0.1%		
USDVND		26,333 ▼	-0.004%	0.1%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

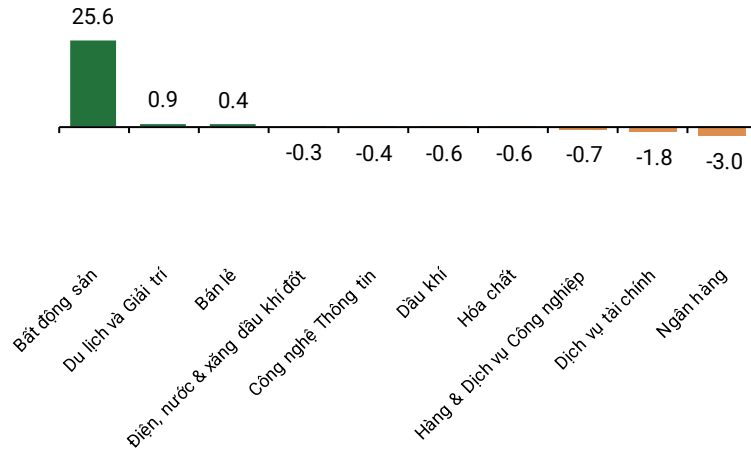
### Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▬	0.9%	-4.4%	57.5%	45.5%
Dầu WTI	▬	0.4%	-1.9%	59.7%	46.8%
Khí gas	▼	-0.3%	-13.9%	-29.4%	-19.8%
Than cốc (*)	▬	0.0%	3.6%	0.0%	5.9%
Thép HRC (*)	▬	0.3%	0.7%	1.2%	0.3%
PVC (*)	▼	-2.8%	-14.8%	10.5%	0.7%
Phân Urea (*)	▲	4.4%	26.7%	103.7%	117.0%
Cao su thiên nhiên	▼	0.0%	3.9%	13.1%	23.3%
Bông Cotton	▲	1.2%	11.5%	18.3%	15.6%
Đường	▬	0.9%	-3.9%	-9.2%	-23.7%
World Container Index	▼	-2.7%	5.8%	1.5%	-0.9%
Baltic Dirty tanker Index	▼	-5.0%	9.2%	135.9%	173.4%
Vàng	▬	0.59%	-3.7%	11.6%	44.1%
Bạc	▬	0.92%	-1.3%	11.2%	143.2%

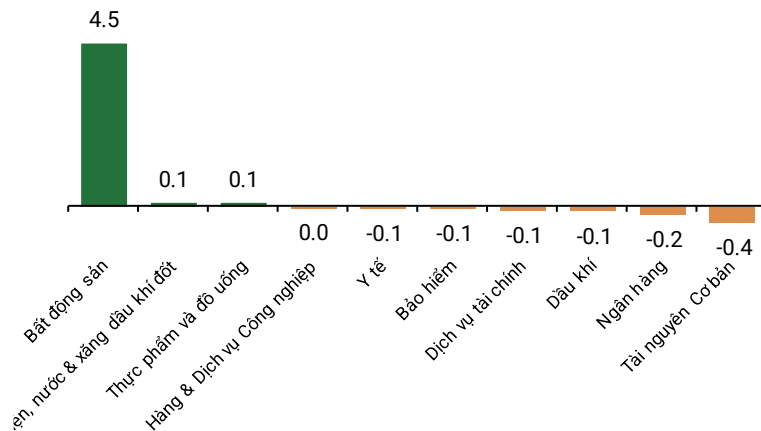
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (\*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

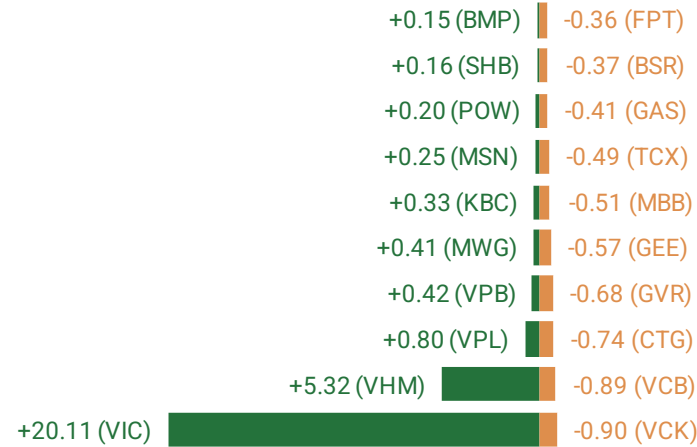
### TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



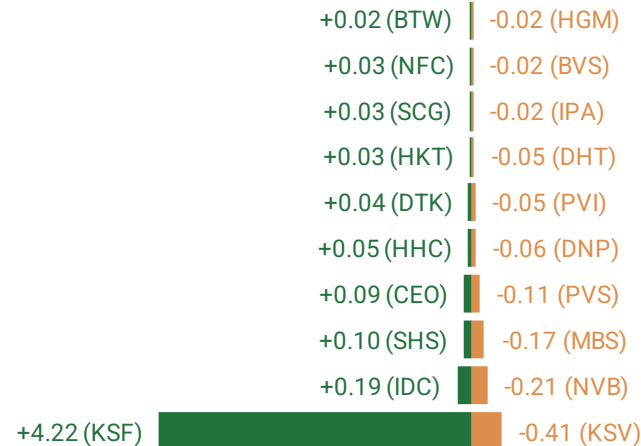
### TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



### TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

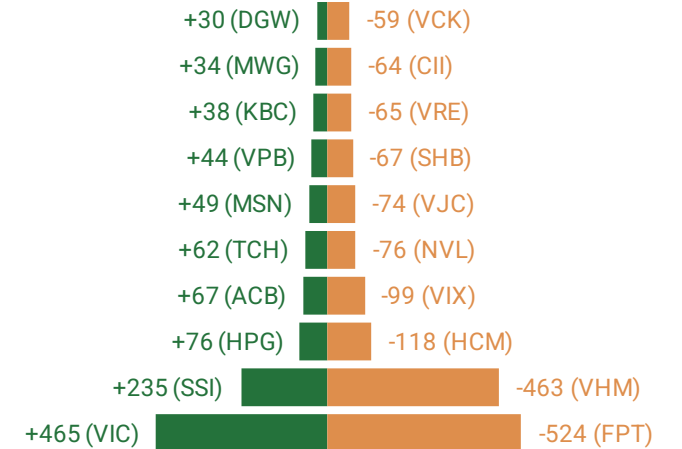


### TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

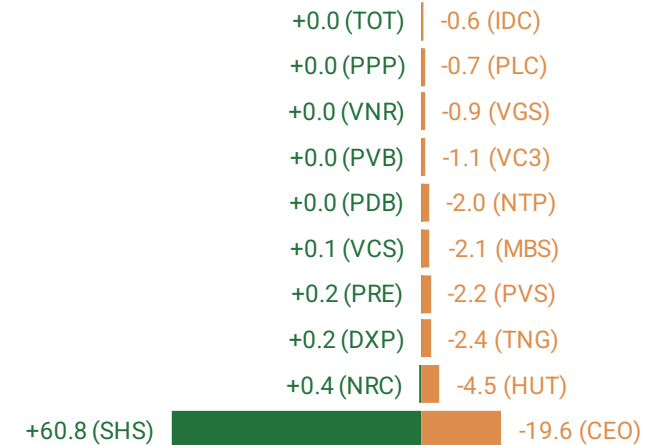


## BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

### TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



### TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



	SHB	VIC	VHM	FPT	HPG
%DoD	1.0%	6.9%	4.5%	-1.3%	-0.4%
Giá trị	2,121	1,425	1,173	846	783

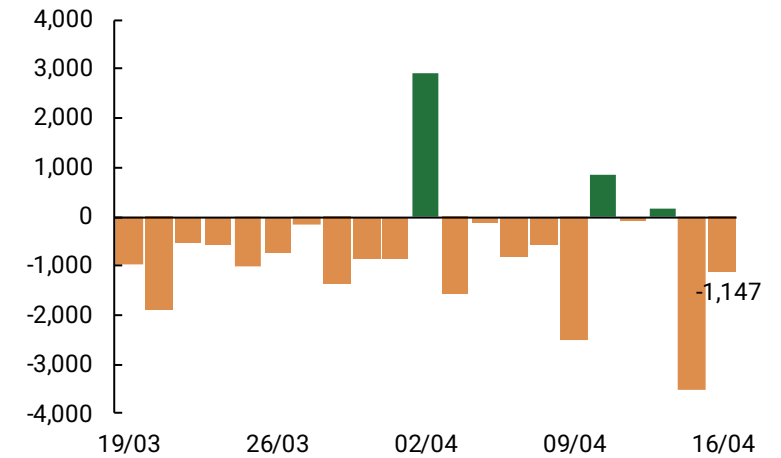
### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	VJC	SHB	HCM	VHM	HDB
%DoD	0.0%	1.0%	0.0%	4.5%	-0.9%
Giá trị	1,580	1,244	610	404	326

## BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

### GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



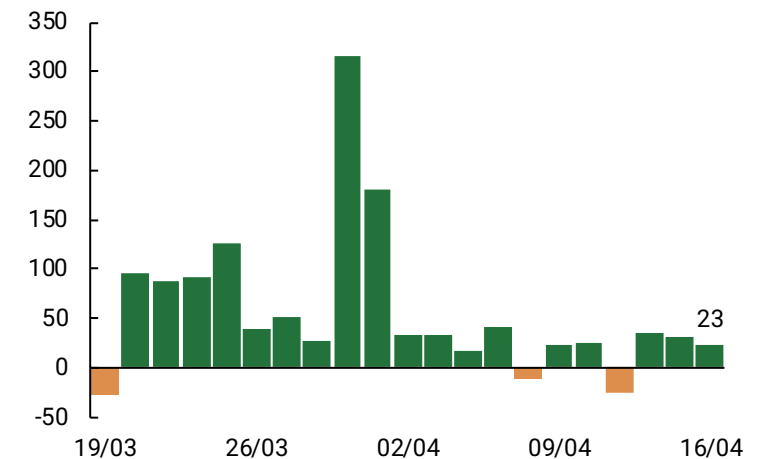
	SHS	CEO	IDC	PVS	MBS
%DoD	1.1%	1.7%	1.9%	-1.0%	-1.4%
Giá trị	350	293	130	102	56

### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	DVM	NRC	-	-	-
%DoD	-4.9%	-1.6%	0	0	0
Giá trị	1	1	0	0	0

### GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





### Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến tăng, vol trên mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1680 - 1700.
- ✓ Kháng cự: 1800 | 1850.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI cải thiện
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật trong xu hướng điều chỉnh.

**Kịch bản:** Chỉ số tiếp cận mức kháng cự (1) quanh vùng 1800 điểm. Độ rộng thị trường suy yếu là điểm cần lưu ý. Nếu mức lan tỏa không cải thiện, rủi ro đảo chiều sẽ gia tăng. Trường hợp các cổ phiếu trụ tiếp tục tăng rướn, chỉ số có thể tiếp tục đà tăng lên vùng mục tiêu cao hơn, quanh ngưỡng 1850 điểm, nhưng độ bền của xu hướng tăng vẫn sẽ kém.



### Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến tăng, vol trên mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1850 - 1870.
- ✓ Kháng cự: 1980 - 2000.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI cải thiện.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật trong xu hướng điều chỉnh.

**Kịch bản:** VN30 cũng chứng kiến số mã giảm áp đảo hơn, cho thấy đà tăng được nâng đỡ nhiều bởi nhóm Vingroup. Nếu độ rộng không cải thiện, rủi ro đảo chiều sẽ gia tăng. Trường hợp các cổ phiếu trụ tiếp tục tăng rướn, chỉ số có thể tiếp tục đà tăng lên vùng mục tiêu cao hơn quanh mốc 2000 điểm, nhưng độ bền của xu hướng vẫn sẽ kém.

STOCK		STRATEGY	Technical		Financial Ratio	
Ticker	<b>GEX</b>	<b>WATCH</b>	Current price	<b>40.00</b>	P/E (x)	24.4
Exchange	HOSE		Watch zone	<b>38 - 39</b>	P/B (x)	2.0
Sector	Electronic Equipment		Target price	44	EPS	1637.7
			Cut loss price	36	ROE	9.3%
				Stock Rating	BB	
				Scale Market Cap	Large	



## TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá trở lại vận động trên MA50 và MA20 ngày.
  - Chỉ báo MACD cắt lên đường tín hiệu, cùng với RSI cũng cải thiện lên trên mức trung bình, hàm ý động lượng tăng phục hồi.
  - Thanh khoản cải thiện cho thấy dòng tiền quay trở lại.
  - MA20 cắt lên MA50 củng cố vị thế trung hạn.
- ➔ Xu hướng điều chỉnh trung hạn đang yếu dần và có thể tiếp tục quán tính tăng.  
➔ Khuyến nghị Theo dõi, quan sát khi giá điều chỉnh về hỗ trợ 38 – 39.

### Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	GEX	Theo dõi	17/04/2026	40.00	38 - 39	-	44	14.29%	36	-6.49%	

### Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	NLG	Mua	01/04/2026	-	28.75	28.5 - 29	0.0%	32	11.30%	26.8	-6.78%	
2	SIP	Mua	09/04/2026	-	61.5	60.5 - 61	1.2%	68	11.93%	57	-6.17%	
3	VIB	Mua	09/04/2026	-	17.15	17.1 - 17.3	0.0%	18.7	9.04%	16.3	-4.96%	
4	HPG	Mua	14/04/2026	-	27.95	27.6 - 27.8	0.9%	31	11.91%	26	-6.14%	



### Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1980.5, tăng 19.5 điểm (+1.0%). Giá mở cửa tạo "gap tăng" đầu phiên và giữ đà đi lên sau đó, dù có nhiều rung lắc. Hiện hỗ trợ gần quanh khu vực 1960 điểm, trong khi kháng cự gần là ngưỡng 1990 điểm.
- **Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo MACD cắt lên đường tín hiệu nhưng RSI đang tiếp cận mức quá mua, có thể xuất hiện hạ nhiệt kỹ thuật để củng cố lại đà. Phiên mai cũng là ngày giao dịch đầu sau khi hợp đồng đáo hạn, giá khả năng sẽ biến động trong vùng 1965 – 1975. Điểm vào lệnh nên chờ trạng thái trở lại ổn định. Vị thế Long cân nhắc khi giá củng cố trên ngưỡng 1980. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 1964, có thể gia tăng nếu giá tiếp tục mất ngưỡng 1948.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1908, tăng 17.4 điểm (+0.9%). Độ lệch basis -0.08 điểm (thấp hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh giảm, đạt 28 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1900 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1920 điểm.

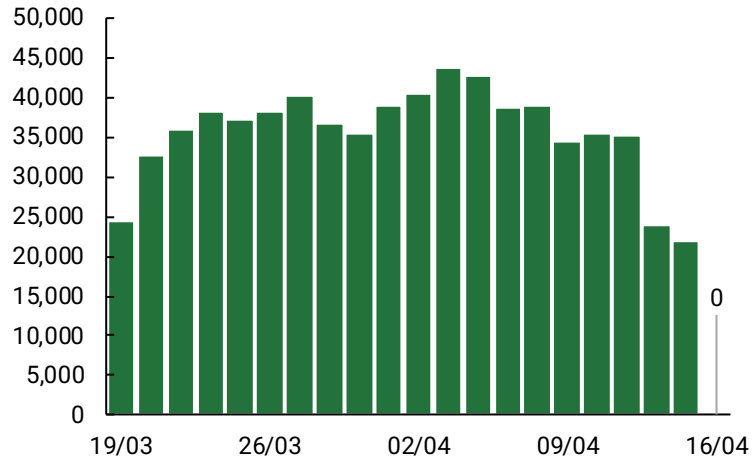
### Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Long	> 1980	1995	1970	15 : 10
Short	< 1964	1952	1972	12 : 8
Short	< 1948	1934	1957	14 : 9

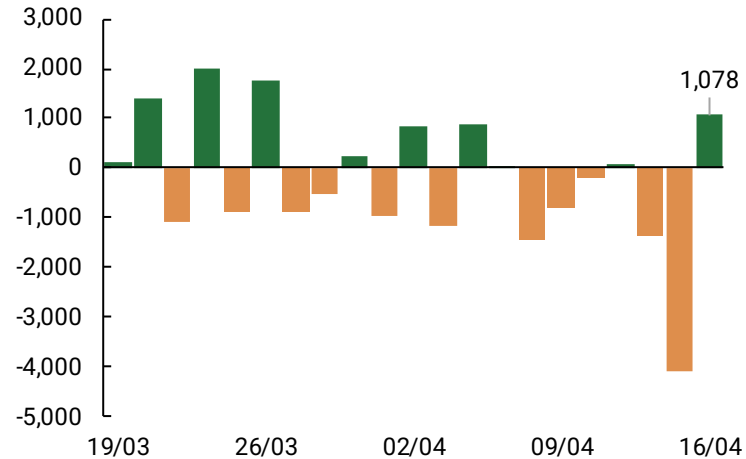
### Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111G9000	1,973.7	15.2	29	307	1,991.8	-18.1	17/09/2026	154
4111G6000	1,969.9	13.1	289	1,240	1,984.4	-14.5	18/06/2026	63
4111G5000	1,971.9	14.9	31,413	21,242	1,982.1	-10.2	21/05/2026	35
4111G4000	1,980.5	19.5	160,542	0	1,979.2	1.3	16/04/2026	0
4112G4000	1,908.0	17.4	29	0	1,908.1	-0.1	16/04/2026	0

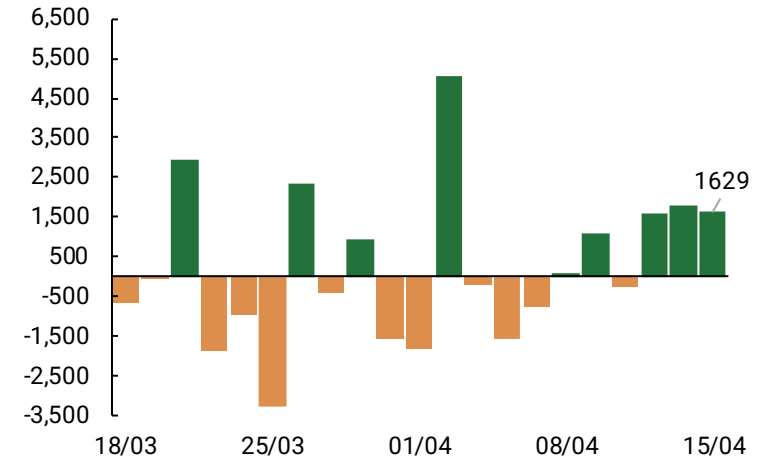
Khối lượng mở (Open interest)



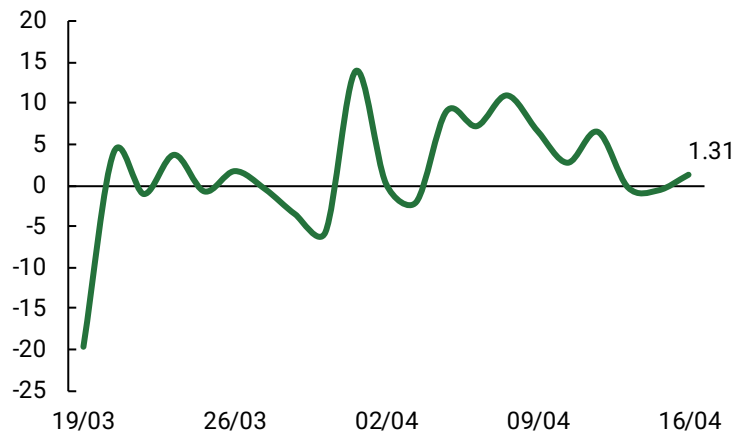
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



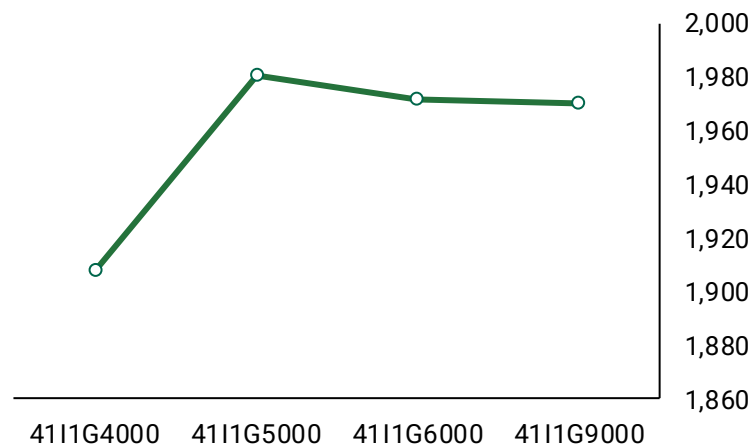
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



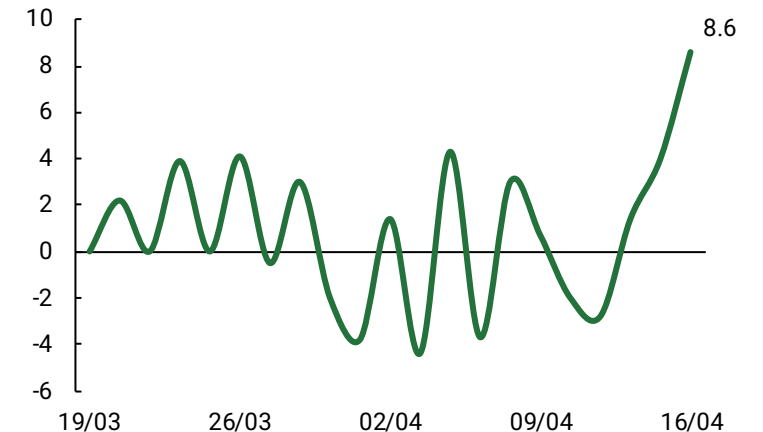
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



### THÔNG TIN VĨ MÔ

- 01/04 Vietnam & US - Chỉ số PMI
- 03/04 Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
- 05/04 Hàng hóa - Cuộc họp OPEC-JMMC
- 06/04 Việt Nam - Dữ liệu kinh tế vĩ mô  
Mỹ - Thời hạn đàm phán Iran
- 07/04 Việt Nam - FTSE rà soát giữa kỳ
- 09/04 Mỹ - Biên bản cuộc họp FOMC  
Trung Quốc – Chỉ số CPI, PPI
- 10/04 Mỹ - Chỉ số CPI, Chỉ số Tâm lý Người tiêu dùng Michigan
- 14/04 Mỹ - Chỉ số PPI
- 16/04 Việt Nam - Đáo hạn phái sinh  
Trung Quốc – GDP Quý 1
- 28/04 Nhật Bản - BOJ họp và công bố lãi suất
- 29 - Mỹ - FED họp và công bố lãi suất
- 30/04 Châu Âu - ECB họp và công bố lãi suất  
Canada - BOC họp và công bố lãi suất

**Đề nghị Trung Quốc mở cửa tối đa cho hàng hóa Việt Nam:** Tại cuộc hội đàm với Tổng Bí thư, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình sáng 15/4, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm đề nghị Trung Quốc mở cửa tối đa cho hàng hóa của Việt Nam, nỗ lực thúc đẩy thương mại cân bằng, lành mạnh.

**Mỹ hoàn trả 166 tỷ USD thuế quan cho doanh nghiệp:** Chính quyền Tổng thống Mỹ Donald Trump dự kiến sẽ chính thức triển khai hệ thống hoàn trả 166 tỷ USD tiền thuế quan cho các doanh nghiệp nhập khẩu Mỹ vào ngày 20/4 tới. Đây là khoản thuế mà Tòa án Tối cao Mỹ đã tuyên bố là bất hợp pháp hồi tháng 2 vừa qua.

**Tăng trưởng kinh tế Trung Quốc mạnh hơn dự kiến, đạt 5% trong quý I:** Kinh tế Trung Quốc tăng trưởng nhanh hơn dự kiến trong quý đầu năm nhờ sức mạnh của lĩnh vực xuất khẩu và các biện pháp hỗ trợ của chính phủ. Tuy nhiên, triển vọng trong phần còn lại của năm 2026 lại bị ảnh hưởng tiêu cực bởi xung đột Trung Đông.

### THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

**POW - Doanh thu PV Power lập đỉnh, lợi nhuận tăng 79% trong quý I:** Trong 3 tháng đầu năm, doanh thu toàn tổng công ty đạt khoảng 12,281 tỷ đồng, tăng 47% so với quý I/2025 và cao hơn 11% so với kế hoạch đề ra, đồng thời là mức doanh thu theo quý cao nhất từ trước đến nay. Lợi nhuận trước thuế ghi nhận khoảng 923 tỷ đồng, tăng gần 79% so với cùng kỳ năm trước. Riêng công ty mẹ, doanh thu đạt khoảng 9,714 tỷ đồng, tăng 45% và Lợi nhuận trước thuế đạt 636 tỷ đồng, tăng 23% so với cùng kỳ năm ngoái. Về sản lượng, tổng điện năng toàn tổng công ty trong quý I đạt 5,664 triệu kWh, tương ứng 117% kế hoạch và tăng 18% so với cùng kỳ.

**TCX - Lợi nhuận trước thuế quý I/2026 của TCBS đạt 1,458 tỷ đồng:** CTCP Chứng khoán Kỹ Thương vừa công bố báo cáo tài chính quý I/2026 với doanh thu đạt 2,783 tỷ đồng, tăng 37% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận trước thuế đạt 1.458 tỷ đồng, tăng 11%. Cũng theo báo cáo, trong quý I/2026, TCBS có ROE 15.4%, ROA 7.8% và CIR đạt 14.8% - thuộc nhóm thấp nhất ngành. Bên cạnh đó, Công ty giữ vững vị trí số 1 về thị phần phát hành trái phiếu doanh nghiệp với 86% thị phần. duy trì Top 3 trên HOSE với thị phần môi giới cổ phiếu 8.9% và Top 2 trên HNX với 9.5%.

**PDR - Phát Đạt dự kiến nguồn thu hơn 35,500 tỷ từ 6 dự án:** Doanh nghiệp dự kiến đưa ra thị trường 6 dự án trong năm 2026, bao gồm: Khu phức hợp Hàn River tại Đà Nẵng, khu dân cư Bắc Hà Thanh (Quy Nhơn Iconic), khu nhà ở phức hợp cao tầng Thuận An 1, khu thương mại - căn hộ du lịch cao cấp tại Phước Hải, khu du lịch Poulo Condor tại Côn Đảo và dự án xây mới chung cư 239 Cách Mạng Tháng Tám. Tổng doanh thu dự kiến từ các dự án này đạt khoảng 35,525 tỷ đồng, chưa bao gồm phần doanh thu tài chính từ dự án Thuận An 1.

**KBC - Chứng khoán VPBank trở thành cổ đông lớn của Kinh Bắc:** Chứng khoán VPBank (VPX) đã thực hiện mua 1.15 triệu cổ phiếu KBC qua đó nâng tổng số cổ phiếu nắm giữ tại Kinh Bắc lên 47.5 triệu đơn vị tương đương với tỷ lệ sở hữu 5.044%. Qua đó chính thức trở thành cổ đông lớn của Kinh Bắc vào ngày 13/4 vừa qua.

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
AST	69,800	65,400	-6.3%	Giảm tỷ trọng
BCM	55,000	73,400	33.5%	Mua
CTG	34,600	45,200	30.6%	Mua
CTD	81,800	87,050	6.4%	Nắm giữ
CTI	22,250	27,200	22.2%	Mua
DBD	50,500	68,000	34.7%	Mua
DDV	27,901	35,900	28.7%	Mua
DGC	54,900	99,300	80.9%	Mua
DGW	45,200	48,500	7.3%	Nắm giữ
DPG	42,400	42,900	1.2%	Nắm giữ
DPR	40,800	46,500	14.0%	Tăng tỷ trọng
DRI	12,890	17,200	33.4%	Mua
EVF	14,000	14,400	2.9%	Nắm giữ
FRT	151,000	157,600	4.4%	Nắm giữ
GMD	73,600	77,000	4.6%	Nắm giữ
HAH	54,100	60,300	11.5%	Tăng tỷ trọng
HDG	27,900	34,000	21.9%	Mua
HHV	12,700	12,300	-3.1%	Giảm tỷ trọng
HPG	27,950	34,300	22.7%	Mua
IMP	55,900	55,000	-1.6%	Giảm tỷ trọng
KDH	26,300	38,800	47.5%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MCH	140,000	177,200	26.6%	Mua
MWG	81,300	99,600	22.5%	Mua
NLG	28,750	39,900	38.8%	Mua
NT2	26,200	27,700	5.7%	Nắm giữ
PHR	61,500	72,800	18.4%	Tăng tỷ trọng
PNJ	108,900	113,300	4.0%	Nắm giữ
PVS	38,300	39,900	4.2%	Nắm giữ
PVT	21,250	18,900	-11.1%	Bán
POW	13,350	15,000	12.4%	Tăng tỷ trọng
SAB	45,750	57,900	26.6%	Mua
SSI	28,850	32,100	11.3%	Tăng tỷ trọng
TLG	51,200	50,900	-0.6%	Giảm tỷ trọng
TCB	31,900	42,400	32.9%	Mua
TCM	23,400	37,900	62.0%	Mua
TRC	72,200	94,800	31.3%	Mua
VCB	59,400	84,200	41.8%	Mua
VPB	27,600	37,000	34.1%	Mua
VCG	22,000	26,200	19.1%	Tăng tỷ trọng
VHC	61,700	60,000	-2.8%	Giảm tỷ trọng
VNM	61,100	66,650	9.1%	Nắm giữ

\* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

### Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

### Định nghĩa xếp loại

**MUA:** Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

**TĂNG TỶ TRỌNG:** Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

**NẮM GIỮ:** Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

**BÁN:** Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

**GIẢM TỶ TRỌNG:** Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

**KHÔNG XẾP HẠNG:** Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

### Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

### © Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

#### Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

#### Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

#### Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

#### Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

#### Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415